

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH LÀO CAI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/HSPT

Ngày 28/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương

Các thẩm phán: Bà Lù Làn Din và Bà Trần Thị Khánh Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 30/2017/HSPT ngày 16/8/2017 đối với bị cáo Đỗ Văn A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Đỗ Văn A**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 10/3/1985 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: Lớp 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Đỗ Văn L1 - sinh năm 1960 và bà Đặng Thị T - sinh năm 1961;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2017 đến ngày 23/01/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đỗ Văn L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 8/11/1982 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

Chỗ ở: Tổ 34, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Đỗ Văn L2 - sinh năm 1957 và bà Lê Thị M - sinh năm 1957;

Vợ: Ngô Thị H - sinh năm 1984: Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2016;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2017 đến ngày 18/01/2017 được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 30/3/1983 tại huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn V - sinh năm 1958 và bà Đỗ Thị B - sinh năm 1960;

Vợ: Phạm Thúy L - sinh năm 1991: Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Hiện vợ con bị cáo đều trú tại xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2017 đến ngày 18/01/2017 được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Các bị cáo vừa có kháng cáo, vừa có kháng nghị:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Duyên T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 28/8/1991 tại huyện L, tỉnh Hà Nam;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn c, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Duyên H - sinh năm 1967 và bà Đào Thị P - sinh năm 1968;

Bị cáo chưa có vợ, con;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2017 đến ngày 23/01/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

5. Họ và tên: **Chu Văn L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 9/7/1985 tại huyện V, tỉnh Yên Bái;

Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái;

Chỗ ở: Tổ 25, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Chu Văn T - sinh năm 1960 (chết năm 2009) và bà Vương Thị M - sinh năm 1961

Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2017 đến ngày 23/01/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 6/11/1989 tại huyện H, tỉnh Phú Thọ;

ĐKNKTT và Chỗ ở : Khu 5, Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Con ông: Nguyễn Văn Đ1 - sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1971;

Vợ: Trần Thu T - sinh năm 1992; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Hiện vợ, con bị cáo đang trú tại B, huyện M, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2017 đến ngày 18/01/2017 được áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai thì vụ án có nội dung như sau:

Hồi 16 giờ 40 phút ngày 12/01/2017 tại khu nhà ở của công nhân xây dựng kho lưu trữ của Kho bạc tỉnh Lào Cai thuộc phường C, tổ công tác thuộc Công an thành phố L phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn A, Nguyễn Duyên T, Đỗ

Văn L Nguyễn Văn S, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang thu giữ vật chứng gồm: Thu trên chiếu bạc số tiền 69.100.000đ (Sáu mươi chín triệu một trăm nghìn đồng), 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn cắt ra từ lá bài của bộ tứ lơ khơ và 01 chiếu cói. Ngoài ra cơ quan điều tra còn tạm giữ số tiền 42.490.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) và một số giấy tờ, tài sản khác.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/01/2017, Hoàng Văn C điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 90C- 05032 chở Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Chu Văn L, Nguyễn Văn S đến phòng ở của Nguyễn Đình P là chỉ huy công trường xây dựng kho lưu trữ Kho bạc tỉnh Lào Cai để uống nước. Khi đến nơi Hoàng Văn C , Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Chu Văn L, Nguyễn Văn S thấy phòng của Nguyễn Đình P không khóa cửa và không có người ở trong phòng. Do quen biết từ trước với Nguyễn Đình P nên Hoàng Văn C , Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Chu Văn L, Nguyễn Văn S mở cửa phòng vào trong ngồi uống nước và Đỗ Văn L gọi điện thoại cho Đỗ Văn A đến để đưa giấy tờ nhờ bán xe ô tô cho Đỗ Văn L, khi Đỗ Văn A đến và ngồi uống nước cùng mọi người thì Phan Văn Toàn vào phòng của Nguyễn Đình P nằm ở trên giường. Ngay sau đó Đỗ Văn A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Chu Văn L và Nguyễn Văn S cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền. Nguyễn Duyên Tiến đi lấy bát, đĩa và cắt 4 quân vị đem ra để trên chiếu đã trải sẵn ở giữa phòng của Nguyễn Đình P , sau đó Đỗ Văn A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Chu Văn L và Nguyễn Văn S cùng ngồi xuống chiếu để đánh bạc. Đỗ Văn A là người trực tiếp cầm cái xóc đĩa, những người còn lại thì đặt tiền và cùng thống nhất quy định nếu trong 04 quân vị mà có 03 quân cùng màu, 01 quân khác màu thì là “*lẻ*” nếu cả 04 quân vị hoặc có 02 quân vị cùng màu thì là “*chẵn*”, dây bên tay phải trước mặt người cầm cái là “*cửa chẵn*”, dây bên trái trước mặt người cầm cái là “*cửa lẻ*”, người chơi có thể đặt tiền vào cửa “*chẵn - lẻ*” đánh với người cầm cái là Đỗ Văn A hoặc đánh với người chơi khác. Nếu ai đánh “*cửa chẵn*” mà kết quả sau khi mở bát về chẵn thì người đó thắng thì sẽ được người cầm cái trả gấp đôi số tiền đặt cược (tính cả tiền đặt cược), còn người đánh lẻ sẽ bị thua và mất số tiền đặt cược và ngược lại mỗi lần tham gia đặt cược số tiền của mỗi người chơi thấp nhất là 100.000đ, sau khi thỏa thuận xong Đỗ Văn A để 04 quân vị vào một đĩa sứ rồi úp bát lên xóc đều nhiều lần rồi dừng lại đặt xuống chiếu để mọi người đặt cược tiền bên lẻ hoặc bên chẵn như đã quy định. Trong lúc Đỗ Văn A, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Chu Văn L và Nguyễn Văn S đang đánh bạc thì Hoàng Văn C gọi điện thoại cho Bùi Thanh T đến để trả nợ cho Bùi Thanh T số tiền là 50.000.000đ số tiền Hoàng Văn C vay trước đó. Đến khoảng 16 giờ 25 phút cùng ngày Bùi Thanh T đến phòng của Nguyễn

Đình P đứng ở cửa ra vào lấy số tiền 50.000.000đ từ Hoàng Văn C sau đó cả hai vào trong phòng ngồi xem đánh bạc. Khi vào trong phòng Bùi Thanh T thấy Nguyễn Duyên T nên đã lấy 30.000.000đ từ số tiền Hoàng Văn C vừa trả nợ đưa cho Nguyễn Duyên T là tiền Bùi Thanh T nợ Tiến trước đó, lúc này Đỗ Văn L thấy Tiến có tiền nên đã hỏi vay Nguyễn Duyên T số tiền 30.000.000đ trên, mục đích Long vay để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Nguyễn Duyên T đồng ý và đưa số tiền 30.000.000đ cho Đỗ Văn L. Đến khoảng 16 giờ 30 phút thì Nguyễn Đình P về và Bùi Thanh T lấy 20.000.000đ trả nợ cho Nguyễn Đình P, Nguyễn Đình P nhận 20.000.000đ do Bùi Thanh T trả cùng một số tài sản khác để trong người cất vào tủ. Đến 16 giờ 40 phút cùng ngày khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an thành phố L bắt quả tang.

Các bị cáo sử dụng số tiền 69.900.000 đồng vào mục đích đánh bạc, trong đó bị cáo Đỗ Văn A là người trực tiếp cầm cái xóc đĩa và dùng số tiền 3.800.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Đỗ Văn A đã thua hết số tiền 3.800.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Đ bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng để tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang bị cáo đã thua hết số tiền 1.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Duyên T bỏ ra số tiền là 10.000.000 đồng để tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang bị cáo đang thắng số tiền là 4.700.000 đồng; bị cáo Đỗ Văn L bỏ ra số tiền 30.100.000 đồng để tham gia chơi bạc khi bị bắt quả tang bị cáo đang thua số tiền là 10.100.000 đồng; bị cáo Chu Văn L đem theo số tiền 10.000.000 đồng tham gia chơi bạc, khi bị bắt quả tang bị cáo đang thắng số tiền là 14.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn S đem theo số tiền 15.000.000 đồng tham gia chơi bạc khi bị bắt quả tang bị cáo đang thua số tiền là 4.600.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn A, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Nguyễn Văn S, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ phạm tội "*Đánh bạc*".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn A 02 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p khoản 1 điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duyên T 02 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 02 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn L 02 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p khoản 1 điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 năm tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo từ 03 đến 05 năm triệu đồng sung quỹ nhà nước, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Từ ngày 14/7/2017 đến ngày 21/7/2017, các bị cáo Đỗ Văn A, Chu Văn L, Nguyễn Duyên T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S và Đỗ Văn L kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 21/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai ban hành kháng nghị số 01/KNPT đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai sửa bản án sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai theo hướng cho các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L và Nguyễn Văn Đ được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Văn A, Nguyễn Duyên T, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S, Đỗ Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên nội dung kháng nghị về đề nghị cho các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L và Nguyễn Văn Đ được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn A, Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S. Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng Hình sự chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đối với các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ và Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ. Sửa bản án sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L theo hướng:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20; Điều 53; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duyên T 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p, q khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chu Văn L 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, 53; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 - Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày

tuyên án phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cần giữ nguyên.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Văn A, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L Nguyễn Văn S, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Khoảng hơn 15 giờ 30 phút ngày 12/01/2017, tại khu nhà ở của công nhân xây dựng kho lưu trữ Kho bạc tỉnh Lào Cai tại phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai các bị cáo đã cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa. Các bị cáo sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc cụ thể: Đỗ Văn A 3.800.000 đồng, Nguyễn Duyên T 10.000.000 đồng, Đỗ Văn L 30.100.000 đồng, Nguyễn Văn S 15.000.000 đồng, Chu Văn L 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ 1.000.000 đồng.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì các bị cáo sử dụng tổng số tiền để đánh bạc là 69.900.000đ (*Sáu mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, Cơ quan điều tra bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền là 69.100.000 đồng nên xác định các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc là 69.100.000đ (*Sáu mươi chín triệu một trăm nghìn đồng*). Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã xét xử các bị cáo Đỗ Văn A, Nguyễn Duyên T, Đỗ Văn L, Nguyễn Văn S, Chu Văn L và Nguyễn Văn Đ về tội "*Đánh bạc*" theo điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của các bị cáo về xin hưởng án treo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đề nghị cho các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có người chủ mưu, khởi xướng hay phân công, bàn bạc từ trước nên cần đánh giá vai trò của các bị cáo theo tính chất mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo Đỗ Văn A là người tham gia tích cực đánh bạc, trực tiếp cầm cái ăn và trả tiền thắng, thua cho những người khác tham gia đánh bạc, bị cáo bỏ ra số tiền 3.800.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo. Ngày 08/9/2017 ông Đỗ Anh Đ là bác ruột của bị cáo có đơn đề nghị xin giảm nhẹ tội và miễn tội cho bị cáo, vì lý do ông Đ đã nuôi Đỗ Văn A từ bé,

ông Đ là “...người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học” đang được hưởng trợ cấp hàng tháng. Qua xem xét đơn thấy lý do trên không thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 03 tháng tù là phù hợp, kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Đỗ Văn L tham gia với vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án, đã sử dụng số tiền 30.100.000 đồng để đánh bạc. Sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngày 23/3/2017 đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, vụ án đã khởi tố bị can hiện đang chờ xét xử nên được áp dụng điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Quá trình kháng cáo phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ xác nhận của UBND xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc về việc gia đình bị cáo có ông nội được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất và là thương binh hạng 5/6 được hưởng chế độ chính sách của nhà nước, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đánh giá về mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã bỏ ra số tiền 30.100.000 đồng để đánh bạc, là số nhiều nhất so với tất cả các bị cáo trong vụ án. Do vậy, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 03 tháng tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Văn S tham gia với vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án, đã bỏ ra số tiền 15.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và được Cục A84 Tổng cục An ninh - Bộ Công an xác nhận tích cực giúp đỡ triệt phá đường dây vận chuyển tiền giả từ Trung Quốc vào Việt Nam, được áp dụng điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 - Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 01/3/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 năm tù về tội “*Lưu hành tiền giả*” bị cáo đã chấp hành xong quyết định của bản án vào tháng 9/2010 đã được xóa án tích. Ngày 29/10/2016 bị cáo tham gia đánh bạc tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, ngày 27/02/2017 bị cáo đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội “*Đánh bạc*” và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong thời gian đang chờ xử lý đối với hành vi đánh bạc tại tỉnh Bắc Giang, ngày 12/01/2017 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc tại thành phố L và bị bắt quả tang. Như vậy, thể hiện bản chất của bị cáo coi thường pháp luật và cố tình vi phạm pháp luật. Đánh giá về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và xem xét về nhân thân bị cáo, bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 03 tháng tù là phù hợp, kháng cáo của bị cáo về xin được hưởng án treo không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Duyên T tham gia với vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án, trực tiếp chuẩn bị công cụ phạm tội bằng việc đi lấy bát, đĩa, cắt quân vị và bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ:

Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có ông nội được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Bản án sơ thẩm đã xác định vai trò đồng phạm, căn cứ vào tính chất mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 - Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án 02 năm 03 tháng tù. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ mới về việc Công an huyện Bắc Hà xác nhận bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, mong muốn được pháp luật khoan hồng, về nhân thân trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo, kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Chu Văn L xác định là vai trò đồng phạm trong vụ án, bị cáo bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo cung cấp chứng cứ về việc năm 2009 bố đẻ bị cáo mất nên bị cáo được bác ruột là ông Chu Văn H nuôi dưỡng từ đó cho đến nay và ông Hưởng được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Xét thấy thời điểm bố đẻ bị cáo mất bị cáo đã trưởng thành nên trường hợp trên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ mới về việc Công an huyện V, tỉnh Yên Bái xác nhận bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, nuôi mẹ thường xuyên ốm đau, bệnh tật. Xét thấy bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, quyết tâm chuộc lại lỗi lầm để sống có ích cho gia đình và xã hội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo, kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L có căn cứ chấp nhận

Bị cáo Nguyễn Văn Đ xác định phạm tội đồng phạm với vai trò là người thực hành trong vụ án, bị cáo bỏ ra số tiền là 1.000.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có ông bà nội và ông bà ngoại được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo không lớn, về nhân thân bị cáo trước khi phạm tội là công dân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên

tòa sơ thẩm, phúc thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Ngoài ra còn thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội chuộc lại lỗi lầm, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để sống có ích cho gia đình và xã hội.

Từ những phân tích trên thấy: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn A, Đỗ Văn L, Nguyễn Văn S về xin được hưởng án treo.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L về đề nghị cho các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ được hưởng án treo. Cần xét xử phúc thẩm theo hướng: Giữ nguyên hình phạt chính của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đỗ Văn A, Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S. Sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt chính nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L và Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đỗ Văn L cung cấp tài liệu chứng minh bố đẻ bị cáo tên là Đỗ Văn L, do quá trình điều tra bị cáo khai không đúng nên đã xác định lý lịch của bị cáo tên bố đẻ là Đỗ Văn N. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xác định lại tại phần lý lịch của bị cáo: Bố đẻ là Đỗ Văn L.

Về án phí: Các bị cáo Đỗ Văn A, Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Chu Văn L, Nguyễn Duyên T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Căn cứ vào Điều 241; điểm a, b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Văn A, Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt chính đối với các bị cáo như sau:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn A, Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S phạm tội "*Đánh bạc*".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn A** 02 (*Hai*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ 12 (*Mười hai*) ngày tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn L** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được khấu trừ 07 (Bảy) ngày tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được khấu trừ 07 (Bảy) ngày tạm giữ, tạm giam.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L, Nguyễn Văn Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đối với bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L và Nguyễn Văn Đ. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 64/2017/HSST Ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai về phần hình phạt chính như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duyên T** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p, q khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Chu Văn L** 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; Điều 20, Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về Án phí, lệ phí toa án: Buộc các bị cáo Đỗ Văn A,

Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Duyên T, Chu Văn L và Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng vụ án và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 9 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh 2;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Công an thành phố;
- TAND thành phố;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bị cáo 6;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Lương

